

ỦY BAN NHÂN DÂN TP CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ: QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6480209
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (hệ tốt nghiệp THPT)

Ban hành kèm theo Quyết định số: ²⁹⁹ /QĐ-CTEC ngày...15... tháng...8... năm 2024... của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Quản trị mạng máy tính

Mã ngành: 6480209

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản trị mạng máy tính trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc cài đặt, hỗ trợ, quản lý mạng và hệ thống máy tính giúp thông tin luôn được lưu thông; thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống mạng, duy trì phần cứng và phần mềm mạng, khắc phục sự cố mạng và đảm bảo an ninh mạng, tính khả dụng và các tiêu chuẩn hiệu suất, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm việc trong ngành/ngành Quản trị mạng máy tính làm việc tại các cơ quan, đơn vị chuyên ngành, các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các dịch vụ thuộc các thành phần mạng máy tính. Người làm việc trong ngành/ngành Quản trị mạng máy tính là người có kiến thức lý thuyết rộng, kiến thức thực tế cần thiết, kỹ năng thực hành chuyên sâu, sáng tạo vào thực tế công tác và tự học tập. Người hành nghề cần phải có đủ sức khỏe, có tâm về nghề nghiệp và có khả năng tổ chức và quản lý công việc.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nghề Quản trị mạng máy tính cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao về lĩnh vực quản trị mạng máy tính phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ; hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức cũng như các kỹ năng cơ bản để đạt được thành công trong công việc, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có thể:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính;

- Trình bày được kiến thức nền tảng về mạng máy tính;
- Phân tích được nhu cầu sử dụng hệ thống mạng của khách hàng;
- Phân tích được nhu cầu nâng cấp, tối ưu hóa hệ thống mạng.
- Xác lập được mô hình, chính sách mạng;
- Trình bày được nguyên tắc, phương pháp để hoạch định, thiết kế và xây dựng, cài đặt và cấu hình, vận hành và quản trị, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống mạng máy tính;
- Xác định được chức năng, hoạt động của thiết bị mạng trong hệ thống;
- Trình bày được quy trình kiểm tra các thiết bị mạng, thông mạng;
- Trình bày chính xác cấu trúc và vai trò của các dịch vụ mạng, các kiến thức mạng máy tính, quản trị mạng;
- Xác định được các yêu cầu khai thác, cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo trong phần mềm;
- Mô tả được các bước lập báo cáo về hiệu suất sử dụng mạng;
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về phát triển các ứng dụng trên mạng;
- Xác định được mô hình, hệ thống mạng cần thiết cho việc khai thác dịch vụ CNTT;
- Mô tả được cách thiết kế và lắp đặt mạng không dây;
- Liệt kê được các nguy cơ, sự cố mất an ninh, an toàn dữ liệu cũng như đề xuất được các giải pháp xử lý sự cố; Phân loại được các loại vi-rút và các phần mềm diệt vi-rút;
- Phân tích, đánh giá được mức độ an toàn của hệ thống mạng và các biện pháp bảo vệ hệ thống mạng;
- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
- Xác định được các tiêu chuẩn an toàn lao động;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng vận dụng kiến thức vào lao động thông qua các kỹ năng sau:

Kỹ năng chuyên môn bao gồm:

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng;
- Thiết kế, xây dựng và triển khai được hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình;

- Cài đặt, cấu hình và quản trị được hệ thống mạng sử dụng hệ điều hành máy chủ;
- Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail;
- Cấu hình chính xác các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router,...;
- Đánh giá được hệ thống bảo mật, mã hóa được dữ liệu;
- Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng;
- Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng;
- Xây dựng được các ứng dụng đơn giản trên hệ thống mạng;
- Đánh giá, lựa chọn được thiết bị hệ thống mạng không dây;
- Bảo dưỡng và khắc phục được lỗi hệ thống mạng không dây;
- Kèm cặp, hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;
- Quản lý nhóm, giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ;
- Lập kế hoạch, phân công và giám sát được công việc của nhóm;
- Quản lý được các sự cố và tình huống khẩn cấp;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Kỹ năng mềm bao gồm:

- Kỹ năng thuyết trình, báo cáo, trình bày trước công chúng
- Kỹ năng giao tiếp
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng lao động chuyên nghiệp
- Kỹ năng làm việc nhóm

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đã được rèn luyện về:

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền, sở hữu trí tuệ

trong ứng dụng phần mềm. Cần cù, chịu khó và sáng tạo, thực hiện tốt kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

- Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết tốt công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phân tích và thiết kế hệ thống mạng;
- Lắp đặt, cấu hình hệ thống mạng;
- Triển khai dịch vụ mạng và quản trị đối tượng sử dụng mạng;
- Quản trị hệ thống phần mềm;
- Bảo trì và sửa chữa hệ thống mạng;
- Quản trị mạng máy tính;
- Giám sát hệ thống mạng.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2505 giờ/95 tín chỉ
- Số lượng môn học: 38
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 2070/76 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 737 (giờ); thực hành, thực tập: 1768 (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Mã năng	Tên năng lực
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	- Khai thác được các ứng dụng trên hệ thống mạng. - Thiết kế, xây dựng và triển khai được hệ thống mạng cho doanh nghiệp nhỏ và trung bình.
2	NLCL-02	- Cài đặt, cấu hình và quản trị được hệ thống mạng sử dụng hệ điều hành máy chủ. - Cài đặt, cấu hình và quản trị được các dịch vụ: DNS, DHCP, RRAS, Web, Mail.
3	NLCL-03	- Cấu hình chính xác các thiết bị mạng thông dụng: Switch, Router. - Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng của hệ thống mạng.
4	NLCL-04	- Xây dựng và triển khai được hệ thống tường lửa bảo vệ hệ thống mạng. - Xây dựng được các ứng dụng đơn giản trên hệ thống mạng.
5	NLCL-05	- Bảo dưỡng và khắc phục được lỗi hệ thống mạng không dây - Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc
6	NLCL-06	- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống; - Lập kế hoạch, phân công và giám sát được công việc của nhóm; - Đánh giá, lựa chọn được thiết bị hệ thống mạng không dây.
7	NLCL-07	Quản lý nhóm, giám sát được hệ thống mạng vừa và nhỏ.
III Năng lực nâng cao		

TT	Mã năng	Tên năng lực
1	NLNC-01	Thực hiện được việc tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý hệ thống mạng.
2	NLNC-02	Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài).
3	NLNC-03	Phát triển ý tưởng sáng tạo.
IV	Năng lực bổ trợ	
	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC112	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn	76	2070	486	1513	71
II.1	Môn học cơ sở	12	225	123	90	12

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
CTH307	Tin học nâng cao	3	60	27	30	3
CTH103	Lập trình căn bản	3	60	27	30	3
CTH201	Cơ sở dữ liệu	3	45	42	0	3
CQM201	Mạng máy tính	3	60	27	30	3
II.2	Môn chuyên ngành	51	1455	296	1108	51
CTH104	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính	3	60	27	30	3
CTH202	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	45	42	0	3
CTH308	Photoshop	3	60	27	30	3
CQM402	Adobe Illustrator	3	60	27	30	3
CQM301	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2	45	13	30	2
CQM406	Giải quyết sự cố mạng	2	45	13	30	2
CQM409	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3	60	27	30	3
CTH305	Thiết kế và quản trị Website	3	60	27	30	3
CTH403	Quản trị cơ sở dữ liệu	2	45	13	30	2
CQM502	Quản trị mạng Windows Server	3	60	27	30	3
CQM407	Điện toán đám mây	3	60	27	30	3
CQM501	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	2	45	13	30	2
CQM603	Công nghệ mạng không dây	2	45	13	30	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
CQM304	Thực tập doanh nghiệp /Rèn nghề 1	2	90	0	88	2
CQM408	Thực tập doanh nghiệp /Rèn nghề 2	3	135	0	132	3
CQM502	Rèn nghề Quản trị mạng Windows Server	3	135	0	132	3
CQM601	Rèn nghề triển khai hệ thống WebServer và MailServer	2	90	0	88	2
CQM403	Rèn nghề Cấu hình định tuyến Router quản trị thiết bị mạng	3	135	0	132	3
CQM503	Rèn nghề triển khai hệ thống Firewall	2	90	0	88	2
CQM602	Rèn nghề giám sát hệ thống mạng LAN sử dụng phần mềm mã nguồn mở	2	90	0	88	2
II.3	Môn học tự chọn	8	165	67	90	8
<u>CTH303</u>	<u>Lập trình PHP</u>	<u>2</u>	<u>45</u>	<u>13</u>	<u>30</u>	<u>2</u>
<u>CQM504</u>	<u>Lập trình mạng</u>	<u>3</u>	<u>60</u>	<u>27</u>	<u>30</u>	<u>3</u>
<u>CTH501</u>	<u>An toàn và bảo mật thông tin</u>	<u>3</u>	<u>60</u>	27	30	<u>3</u>
CTH306	Thương mại điện tử	2	30	28	0	2
CTH401	Biên tập ảnh - Video	2	45	<u>13</u>	<u>30</u>	<u>2</u>
CTH301	Hệ điều hành Linux	3	60	27	30	3
II.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CXH101	Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng		95	2505	643	1768	94

7. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
		Môn học bắt buộc					
1	CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
2	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
3	CMC112	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
4	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
5	CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
6	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
Tổng cộng			19	435	157	255	23

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
		Môn học bắt buộc					
1	CTH307	Tin học văn phòng	3	60	27	30	3
2	CTH103	Lập trình căn bản	3	60	27	30	3
3	CTH201	Cơ sở dữ liệu	3	45	42	0	3
4	CQM201	Mạng máy tính	3	60	27	30	3
5	CTH104	Lắp ráp, cài đặt và sửa chữa máy tính	3	60	27	30	3
Tổng cộng			15	285	150	120	25

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
		Môn học bắt buộc					
1	CTH202	Phân tích và thiết kế hệ thống thông	3	45	42	0	3
2	CTH308	Photoshop	3	60	27	30	3

3	CQM301	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	2	45	13	30	2
4	CTH305	Thiết kế và quản trị Website	3	60	27	30	3
5	CTH403	Quản trị cơ sở dữ liệu	2	45	13	30	2
6	CQM502	Quản trị mạng Windows Server	3	60	27	30	3
Tổng cộng			16	315	149	150	16

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
		Môn học bắt buộc					
1	CQM402	Adobe Illustrator	3	60	27	30	3
2	CQM406	Giải quyết sự cố mạng	2	45	13	30	2
3	CQM407	Điện toán đám mây	3	60	27	30	3
4	CQM403	Rèn nghề Cấu hình định tuyến Router quản trị thiết bị mạng	3	135	0	132	3
		Môn học tự chọn					
1	<u>CTH303</u>	<u>Lập trình PHP</u>	<u>2</u>	<u>45</u>	<u>13</u>	<u>30</u>	<u>2</u>
2	CTH401	Biên tập Ảnh - Video	2	45	13	30	2
Tổng cộng			13	345	80	252	13

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
		Môn học bắt buộc					
1	CQM409	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3	60	27	30	3
2	CQM501	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	2	45	13	30	2
3	CQM502	Rèn nghề Quản trị mạng Windows Server	3	135	0	132	3
4	CQM503	Rèn nghề triển khai hệ thống Firewall	2	90	0	88	2
5	CQM304	Thực tập doanh nghiệp /Rèn nghề 1	2	90	0	88	2
		Môn học tự chọn					

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
1	CQM504	Lập trình mạng	<u>3</u>	<u>60</u>	<u>27</u>	<u>30</u>	<u>3</u>
2	CTH301	Hệ điều hành Linux	3	60	27	30	3
Tổng cộng			15	480	67	398	15

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố Số giờ		
					LT	TH	KT
Môn học bắt buộc							
1	CQM603	Công nghệ mạng không dây	2	45	13	30	2
2	CQM601	Rèn nghề Triển khai hệ thống Webserver và Mail Server	2	90	0	88	2
3	CQM602	Rèn nghề giám sát hệ thống mạng LAN sử dụng phần mềm mã nguồn mở	2	90	0	88	2
4	CQM408	Thực tập doanh nghiệp /Rèn nghề 2	3	135	0	132	3
Môn học tự chọn							
1	<u>CTH501</u>	<u>An toàn và bảo mật thông tin</u>	<u>3</u>	<u>60</u>	<u>27</u>	<u>30</u>	<u>3</u>
2	CTH306	Thương mại điện tử	2	30	28	0	2
Thực tập tốt nghiệp							
	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	255	0	255	0
		Công tác xã hội	1	60	0	60	0
Tổng cộng			17	645	40	593	12

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị mạng máy tính trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 95 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,.... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTĐ ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng.

+ Danh hiệu: Kỹ sư thực hành.

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Long